

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 05/2019/DS - ST

Ngày: 24/5/2019

V/v Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thu Dung.

2/ Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST - DS, ngày 20 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST - DS, ngày 10/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST - DS, ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Tòa nhà C5, khu B, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M theo Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ – NHCS, đề ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Bé N

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ P.

Cùng địa chỉ: Thôn Minh T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 02 (hai) không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2018; các lời khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 17/5/2014, bà Nhung có vay của Ngân hàng C - Phòng giao dịch ngân hàng C huyện M theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000đ; thời gian vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 17/5/2019; lãi suất vay trong hạn 0,80%/tháng; lãi suất quá hạn 1,04%/tháng;

- Ngày 17/6/2014, bà Nhung có vay của ngân hàng C- Phòng giao dịch ngân hàng C huyện M theo chương trình giải quyết việc làm chăn nuôi bò số tiền 20.000.000đ; thời gian vay là 36 tháng; hạn trả nợ cuối cùng là 17/6/2017; lãi suất vay trong hạn 0,60%/tháng; lãi suất quá hạn 0,78%/tháng.

Tổng cộng hai khoản vay Ngân hàng đã giải ngân cho bà N vay tổng số tiền là 32.000.000đ, đến hạn trả nợ bà N không trả nợ vay cho Ngân hàng như cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng bà N vẫn không trả nợ, đề thu hồi nguồn vốn Ngân sách nhà nước, ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà N và ông Võ P (ông P là chồng bà N) cùng trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 38.590.160đ, trong đó: 32.000.000đ nợ gốc, 6.590.160đ nợ lãi tính đến ngày 24/5/2019 và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận.

Bị đơn là bà Hồ Thị Bé N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ P:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ cho bà Ng, ông P nhưng bà N và ông P vắng mặt cũng như không nộp cho Tòa văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ cho Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà N và ông P phải cùng trả cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ là 38.590.160đ, trong đó: 32.000.000đ nợ gốc, 6.590.160đ nợ lãi tính đến ngày 24/5/2019 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N, ông P thông qua thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại 179 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nhưng bà N, ông P không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông P.

Bà N, ông P vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh nên bà N, ông P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa HĐXX xử nhận định:

[2] Về nội dung vụ án

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 17/6/2014, Ngân hàng C đã giải ngân cho bà Hồ Thị Bé N vay số tiền 20.000.000đ theo chương trình giải quyết việc làm - chăn nuôi bò; thời hạn vay là 36 tháng, phân kỳ trả nợ: Nợ gốc tiền vay được trả vào 3 kỳ, lãi tiền vay trả định kỳ hàng tháng; Lãi suất tiền vay: 0,60%/tháng, lãi suất quá hạn 0,78%/tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 17/6/2017 và theo chương trình nước sạch số tiền vay là 12.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng, phân kỳ trả nợ: Nợ gốc tiền vay được trả định kỳ 06 tháng, lãi tiền vay trả định kỳ hàng tháng; Lãi suất tiền vay: 0,80%/tháng, lãi suất quá hạn 1.04%/tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 17/5/2019. Thỏa thuận của các bên là hợp pháp.

Đến nay đã quá hạn trả nợ, bà N không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm những thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu bà trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Ngân hàng yêu cầu bà N và ông P (ông P là chồng bà N) cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh của các khoản vay trên. Xét thấy, bà N vay vốn của Ngân hàng theo các chương trình cho vay hộ gia đình để giải quyết việc làm - chăn nuôi bò, nước sạch nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình và phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện các điều 24, 25 và 26 của Luật này; 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”

Mặt khác, ông P biết việc Ngân hàng yêu cầu ông và bà N cùng có trách nhiệm trả nợ nhưng ông P không có ý kiến hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối về yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn

cứ hợp pháp và hợp lý nên được HĐXX chấp nhận theo đó, cần buộc bà Hồ Thị Bé N và ông Võ P có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vay cả gốc và lãi cho hai dự án là 38.590.160đ, trong đó: 32.000.000đ nợ gốc; 6.590.160đ nợ lãi tính đến ngày 24/5/2019 và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận” cụ thể: $38.590.160đ \times 5\% = 1.929.508đ$ (làm tròn 1.929.000đ) theo đó, bà N và ông P phải chịu án phí số tiền 1.929.000đ. Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 465, 466, 468, 470 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bà Hồ Thị Bé N và ông Võ P cùng phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 32.000.000đ và tiền lãi đến ngày 24/5/2019 là 6.590.160đ. Tổng cộng bà Hồ Thị Bé N và ông Võ P cùng phải trả cho Ngân hàng C cả gốc và lãi số tiền là 38.590.160đ (*Ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn một trăm sáu mươi đồng*) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 25/5/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận

[2] Về án phí: Bà Hồ Thị Bé N và ông Võ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.929.000đ (*Một triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2019), các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

Thành viên Hội đồng xét xử:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Thị Thu Dung

Lê Thanh Sơn

Nguyễn Thị Bích Vân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Minh

Trần Thị Bích Thủy

Phạm Minh Vương